

Bản án số: 19/2022/DS-ST  
Ngày: 01 - 4 - 2022  
*V/v tranh chấp hợp đồng góp hội.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Toàn.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Ngô Văn Lầu.

Bà Phạm Ngọc Phụng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Trung An - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:**  
Ông Sơn Cươl - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 99/2021/TLST-DS, ngày 12 tháng 11 năm 2021 về việc tranh chấp hợp đồng góp hội, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2022/QĐXXST-DS, ngày 21 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1970; địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị Thanh T, sinh năm 1971; nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh: Ấp B, xã H, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Trịnh Khải N, sinh năm 1968; địa chỉ: Số 127, ấp C, xã Đ, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- *Theo Đơn khởi kiện đề ngày 04/6/2021, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:*

Bà có tham gia hội tháng do bà Trần Thị Thanh T làm chủ hội, cụ thể:

Hội mở vào ngày 10/10/2016 âm lịch, đây hội 3.000.000 đồng, 03 tháng mở hội một lần. Trong đây hội này bà tham gia 01 phần, hội đã mãn vào ngày 10/01/2020, tính ra số tiền bà được lĩnh là 45.000.000 đồng, trừ cho vợ ông Bằng số tiền 15.000.000 đồng và trừ tiền công là 1.500.000 đồng, còn lại là 28.500.000 đồng, bà T và ông Trịnh Khải N hứa 03 tháng sẽ trả cho bà 01 lần với số tiền là

3.000.000 đồng, nhưng đến nay bà T và ông N chỉ trả được cho bà số tiền 500.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền mà bà T và ông N còn nợ bà là 28.000.000 đồng.

Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T và ông N phải có trách nhiệm trả cho bà số tiền là 28.000.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà H cho rằng quá trình bà tham gia hui thì không có gặp ông N, không có ông N tham gia và đến ngày ký nhận nợ hui cũng không có mặt ông N và ông N không có hứa cùng với bà T trả tiền hui cho bà. Do đó, bà xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông N về việc yêu cầu ông N có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho bà, bà chỉ yêu cầu bà T có nghĩa vụ trả cho bà số tiền 28.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất.

*- Tại Tờ tường trình ngày 02/7/2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trịnh Khải N trình bày:*

Do ông đi làm xa nên không có ở nhà thường xuyên, việc vợ ông (bà T) làm ăn chuyện gì cũng đều tính một mình không bàn bạc với ông, nhất là việc làm chủ hui, khi ông biết thì ông không đồng ý với cách làm ăn này của vợ ông, vì cách làm ăn này thường xảy ra bề hui, gây thị phi, ảnh hưởng đến gia đình, nhưng vợ ông đều bỏ ngoài tai.

Thời gian sau khoảng tháng 12 năm 2020, vợ ông năn nỉ ông tìm cách cứu giúp nói thiếu tiền hui phải trả, nên ông đi vay Ngân hàng VietinBank số tiền 150.000.000 đồng và tiền tiết kiệm của ông được 50.000.000 đồng để đưa cho vợ ông trả nợ, nhưng trả chưa hết nợ và vợ ông lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của mấy chị ông để thế chấp vay Ngân hàng VietinBank số tiền 400.000.000 đồng; hai khoản nợ trên hiện nay ông đứng ra trả hàng tháng cho Ngân hàng gần 8.000.000 đồng, trong khi đó lương của ông thực lãnh chỉ có 11.486.000 và ông phải nuôi con đang học lớp 11.

Bà H nói ông tham gia hui và hốt hui là không có căn cứ, ông không hề thỏa thuận hay ký bất cứ giấy tờ nào, bản thân ông cũng là người bị hại, nhà cửa không còn lại phải mang nợ Ngân hàng.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 14/02/2022, ông N xác định vợ ông đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan, nhưng ông không biết địa chỉ cụ thể và hiện nay ông cũng không biết vợ ông ở đâu, vì chưa về địa phương. Đồng thời, ông N xác định Giấy nhận nợ ghi: Phân tiền hui của Hương tổng cộng 28.500.000 đồng, út hứa 20/10/20 đưa lần 1 số tiền 3 triệu, 3 tháng đưa 1 lần, Hậu Thạnh, 20/8/20, chữ ký và ghi Trần Thị Thanh T là chữ viết và chữ ký của vợ ông (bà T). Tuy nhiên, ông không biết bà H có tham gia hui của vợ ông hay không, vì vợ ông không có thỏa thuận với ông và cũng không có đem tiền về nhà. Ông không có hứa cùng với vợ ông trả tiền cho bà H như lời bà H trình bày.

Nay ông không đồng ý liên đới trả nợ cho bà H, vì ông không có thiếu tiền bà H.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông N cho rằng giữa ông với vợ ông vẫn chưa ly hôn theo quy định của pháp luật, ông không có tham gia hui và cũng không có hứa cùng với vợ ông trả tiền hui cho bà H, nên ông không đồng ý trả tiền hui cho bà H.

- Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án. Về nội dung vụ án, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị HĐXX đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện bà H đã rút đối với ông N và đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện còn lại của bà H đối với bà T, buộc bà T trả cho bà H số tiền hui còn thiếu 28.000.000 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Tòa án nhân dân huyện Long Phú thụ lý vụ án số 68/2021/TLST-DS ngày 21/6/2021 về việc tranh chấp hợp đồng góp hui, quá trình tiến hành tố tụng phát hiện bị đơn bà Trần Thị Thanh T đã xuất cảnh đi nước ngoài vào ngày 19/01/2021, hiện chưa có thông tin nhập cảnh (BL số 36 - 38) là trước khi Tòa án nhân dân huyện Long Phú thụ lý, nên vụ án có yếu tố nước ngoài và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp tỉnh. Đồng thời, khi khởi kiện bà H xác định địa chỉ của bà T vào thời điểm bà cho rằng các bên có thỏa thuận nợ hui là ở Ấp B, xã H, huyện L, tỉnh Sóc Trăng là xác định đúng địa chỉ của bị đơn được quy định tại điểm d khoản 4 Điều 189 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Long Phú đã chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án để Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Do bị đơn bà T xuất cảnh đi nước ngoài, nhưng không thông báo cho nguyên đơn biết địa chỉ ở nước ngoài. Tòa án đã thu thập nhưng cũng không có địa chỉ ở nước ngoài của bà T, nên Tòa án xác định nơi cư trú cuối cùng của bà T trước khi xuất cảnh là tại Ấp B, xã H, huyện L, tỉnh Sóc Trăng, để tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án đối với bà T đúng theo quy định của pháp luật.

[3] Bị đơn bà T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2, nhưng vắng mặt không rõ lý do, nên HĐXX căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[4] Tại phiên tòa sơ thẩm, bà H xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông N, về việc yêu cầu ông N có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho bà. Xét thấy, việc bà H rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông N là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc, nên HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện này của bà H.

[5] Xét phần yêu cầu khởi kiện còn lại của bà H về việc yêu cầu bà T có trách nhiệm trả cho bà số tiền 28.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất. Xét thấy, khi khởi kiện bà H có cung cấp Giấy nhận nợ của bà T đề ngày 20/8/2020

(BL số 18) và nộp bổ sung bản chính vào ngày 11/3/2022 (BL số 73a). Nội dung Giấy nhận nợ thể hiện: Phần tiền hui của H tổng cộng 28.500.000 đồng, út hứa 20/10/20 đưa lần 1 số tiền 3 triệu, 3 tháng đưa 1 lần. Hậu Thanh, ngày 20/8/20, chữ ký và ghi Trần Thị Thanh T. Theo ông N (chồng của bà T) xác định đúng là chữ viết và chữ ký của bà T (vợ ông). Mặc dù, ông N cho rằng ông không biết bà H có tham gia hui của vợ ông hay không, vì vợ ông không có thỏa thuận với ông và cũng không có đem tiền về nhà. Tuy nhiên, theo người làm chứng bà Nguyễn Thị Bích L (BL số 69) xác định: Bà và bà H có tham gia hui khai ngày 10/10/2016 do bà T làm chủ, phần hui 3.000.000 đồng, 03 tháng mở một lần, do bà H lĩnh cuối, nhưng bà T không giao tiền, do bà còn thiếu tiền bà T nên có thỏa thuận bà sẽ trả cho bà H số tiền 15.000.000 đồng, nên bà T còn thiếu lại bà H số tiền 28.500.000 đồng và bà T viết biên nhận cho bà H vào ngày 20/8/2020, sau đó bà T trả cho bà H được số tiền 500.000 đồng. Do đó, qua lời khai của bà L và ông N, có đủ cơ sở xác định bà H có tham gia hui do bà T làm chủ, bà T còn thiếu bà H số tiền 28.500.000 đồng, sau đó trả được số tiền 500.000 đồng, nên còn thiếu lại số tiền 28.000.000 đồng. Chính vì vậy, bà H yêu cầu bà T trả số tiền này là phù hợp với quy định tại Điều 17, Điều 18, Điều 24, Điều 25 và Điều 27 của Nghị định số 144/2016/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hui, biên, phường và theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nên được HĐXX chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của bà H được chấp nhận, nên bà T phải chịu số tiền 1.400.000 đồng (28.000.000 đồng x 5%) tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[7] Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng đề nghị HĐXX đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện bà H đã rút đối với ông N và đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện còn lại của bà H đối với bà T, buộc bà T trả cho bà H số tiền hui còn thiếu 28.000.000 đồng là có căn cứ, nên được HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 37, khoản 1 Điều 147; điểm đ khoản 4 Điều 189, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 271, khoản 1 Điều 273, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; căn cứ Điều 17, Điều 18, Điều 24, Điều 25 và Điều 27 của Nghị định số 144/2016/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hui, biên, phường; căn cứ điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H đã rút về việc yêu cầu ông Trịnh Khải N có nghĩa vụ liên đới trả tiền hụi cho bà.

2. Chấp nhận đối với một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

- Buộc bà Trần Thị Thanh T có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 28.000.000 đồng (hai mươi tám triệu đồng).

- Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, đối với thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị Thanh T phải chịu 1.400.000 đồng (một triệu bốn trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 700.000 đồng (bảy trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0009265 ngày 17/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014), thì những người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- Phòng KTNV và THA TAND tỉnh;
- Cục THADS tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục THADS huyện Long Phú;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**(Đã ký)**

**Nguyễn Văn Toàn**